

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Cẩm T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**; Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Bùi Trung P**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Có mặt.

3. Người làm chứng: Ông **Trịnh Văn Y**, sinh năm 1967. Địa chỉ: **ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị **Trịnh Thị Cẩm T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Bùi Trung P** kết hôn năm 2017, hôn nhân do tìm hiểu hơn 01 năm, rồi hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới chị và anh P về

bên gia đình chị ở xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Vợ chồng sống chung được 06 tháng rồi phát sinh mâu thuẫn, do anh P đi làm có đi hát karaoke không lành mạnh, đi nhậu thường xuyên, chị có khuyên nhưng anh không nghe, vợ chồng cãi nhau. Khi nhậu về anh P có đập đồ đạc, nhưng vợ chồng vẫn sống chung. Đến năm 2022, anh P bỏ về nhà gia đình anh Phương sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Từ lúc không còn sống chung chị và anh P không có gặp nhau hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên có gặp nhau hàn gắn nhưng không thành, Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P vì tình cảm không còn.

Về việc nuôi con: Có 01 con chung tên Bùi Gia K, sinh ngày 04/01/2018, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Có 01 nền nhà chiều ngang 5m, chiều dài 16m, diện tích 90m², để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Trung P trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Cẩm T kết hôn năm 2017, hôn nhân do tìm hiểu được 2-3 năm, hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới anh và chị T sống bên gia đình chị T ở xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Ban đầu vợ chồng sống chung bình thường. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi hát karaoke về nhà chị T ghen đuổi anh ra khỏi nhà, từ đó anh về bên gia đình anh sống và ly thân cho đến nay. Sau khi không còn sống chung anh và chị T không có gặp nhau hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên có gặp nhau hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không thành. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh thống nhất ly hôn với chị T.

Về việc nuôi con: Có 01 con chung tên Bùi Gia K, sinh ngày 04/01/2018, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Có một nền nhà thổ cư chiều ngang 6m, chiều dài 15m, diện tích 90m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Trịnh Văn Y trình bày: Ông là cha ruột của chị Trịnh Thị Cẩm T, là cha vợ của Bùi Trung P, giữa ông và chị T, anh P không có mâu thuẫn gì. Chị T và anh P kết hôn vào năm nào ông không nhớ, hôn nhân do chị T và anh P tìm hiểu được 05 đến 07 tháng rồi tiến tới hôn nhân. Sau khi cưới chị T sống bên gia đình của ông, ông cho chị T căn nhà để ở riêng. Khi chị Tú và anh P về sống chung cũng có mâu thuẫn, do chị T ở nhà mua bán, anh P đi làm thường xuyên nhậu nhẹt, có đi hát Karaoke, về chị T cãi nhau với anh P. Lâu lâu anh Phương có đập phá đồ đạc trong nhà và đe dọa đòi đốt nhà, ông có khuyên nhưng anh P không nghe, anh Phương bỏ về bên gia đình anh P sống khoảng 4 tháng nay.

Sau đó, anh Phương có vẻ hàn gắn tình cảm với chị **T** nhưng chị Tú không đồng ý, gia đình người lớn cũng có gặp nhau hàn gắn cho anh **P**, chị **T** nhưng không thành. Chị Tú và anh **P** sống chung với nhau có 01 con chung tên **Bùi Gia K**, sinh ngày 04/01/2018, cháu **K** sống chung với chị **T** từ nhỏ cho đến nay, chị Tú ở nhà buôn bán tạp hóa và có điều kiện chăm sóc con hơn, còn anh **P** đi làm công ty tới tối mới về nhà. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **P**, ông không có ý kiến gì. Vì việc hôn nhân do chị Tú quyết định, nên ông không có trình bày gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị **Trịnh Thị Cẩm T** và anh **Bùi Trung P**. Về việc nuôi con: Giao cháu **Bùi Gia K**, sinh ngày 04/01/2018 cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị **Trịnh Thị Cẩm T** và anh **Bùi Trung P** là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **A**, thành phố **C**, tỉnh **Đồng Tháp** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa anh **P** thống nhất ly hôn với chị **T**. Việc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị **T** và anh **P** là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Có 01 con chung tên **Bùi Gia K**, sinh ngày 04/01/2018, hiện nay đang sống chung với chị **T**. Chị **T** và anh **P** đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ trước đến nay cháu **K** sống chung với chị **T**, cháu **K** còn nhỏ cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ trong việc ăn uống, sinh hoạt hơn. Về điều kiện nuôi con, chị **T** có một cửa hàng tạp hóa thu nhập ổn định một tháng khoảng 7.000.000 đồng đủ để đảm bảo đời sống của chị và cháu **K** và có thời gian trực tiếp chăm sóc con. Đối với anh **P** làm công ty **H** cá thu nhập khoảng trên 10.000.00 đồng/tháng, tuy nhiên tính chất công việc thường xuyên vắng nhà nên chăm con chung có phần vất vả, khó khăn và không trực tiếp nuôi con mà theo anh trình bày những lúc anh bận công việc sẽ giao cho nội hoặc cô chăm sóc. Nên Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu **K** cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo cháu **K** được chăm sóc toàn diện, quyền lợi mọi mặt cho cháu và không làm thay

đổi môi trường sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý cháu, là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** tự nguyện không yêu cầu.

[5] Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn **Trịnh Thị Cẩm T** chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số **0004085** ngày **18/10/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn anh **Bùi Trung P** không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị **Trịnh Thị Cẩm T** với anh **Bùi Trung P**.

2. Về việc nuôi con: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị **Trịnh Thị Cẩm T**. Giao cháu **Bùi Gia K**, sinh ngày 04/01/2018 cho chị **Trịnh Thị Cẩm T** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** tự nguyện không yêu cầu.

4. Về quyền, nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Trịnh Thị Cẩm T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số **0004085** ngày **18/10/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31 tháng 01 năm 2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thì Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Dũng

Nguyễn Tuấn Lam

Nguyễn Thị Thị Trang

